TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 63 /2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu*, ngày 15 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 2 năm 2018 giữa những người yêu cầu:

- Bà Trần Thị Nhật H - sinh năm 1995.

Địa chỉ: 47 đường G, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Văn P - sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: KDC 1, tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện trú tại: Số 29 đường T 3, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 07 tháng 3 năm 2018;

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 07 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Trần Thị Nhật H** - sinh năm 1995.

Địa chỉ: 47 đường G, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Nguyễn Văn P** - sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: KDC 1, tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện trú tại: Số 29 đường T 3, phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Nhật H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Nhật H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Nhật H thống nhất hai người không có tài sản chung đồng thời không có nợ chung.

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông P và bà H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 001277 ngày 05 tháng 2 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông P và bà H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSNDQ. C.
- CCTHADSQ. C
-UBND thị trấn Đ;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Thu Hà